

2760TK

1996

CHƯƠNG TRÌNH KX04

ĐỀ TÀI KX04-06

Chủ nhiệm đề tài :

GS. PHẠM TẮT DONG

**LUẬN CỨ KHOA HỌC CHO CÁC CHÍNH SÁCH
NHẪM PHÁT HUY NĂNG LỰC LAO ĐỘNG
SÁNG TẠO CỦA GIỚI TRÍ THỨC VÀ SINH VIÊN**

Hà Nội, 1994

2760

MỤC LỤC

Trang

Phần mở đầu

Nhiệm vụ và phương pháp của đề tài KX04.06

- | | |
|----------------------------------------------------------|---|
| 1. Đặt vấn đề | 2 |
| 2. Nhiệm vụ của đề tài | 5 |
| 3. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu cụ thể | 6 |

Phần thứ nhất

Trí thức và thời đại

- | | |
|-----------------------------------------------------------------|----|
| Chương thứ nhất: Quan niệm hiện đại về trí thức | 9 |
| 1. Khái niệm "trí thức " | 9 |
| 2. Chức năng của trí thức | 14 |
| 3. Cấu trúc của đội ngũ trí thức | 21 |
| Chương thứ hai: Vai trò và vị trí xã hội của trí thức | 27 |
| 1. Trí thức và sự phát triển xã hội | 27 |
| 2. Những yêu cầu mới của đất nước đặt ra trước đội ngũ trí thức | 32 |
| 3. Trí thức và giai cấp trong xã hội | 38 |
| 4. Trí thức, trí tuệ thời đại và nhân tài | 40 |

Phần thứ hai

Thực trạng của đội ngũ trí thức

- | | |
|-------------------------------------------------------------------------|----|
| Chương thứ ba: Sự phát triển của đội ngũ trí thức Việt Nam | 45 |
| 1. Sơ lược một số nét về sự hình thành giới sĩ phu 10 thế kỷ qua | 45 |
| 2. Trí thức Việt Nam thời kỳ đất nước bị Pháp đô hộ | 47 |
| 3. Trí thức Việt Nam tham gia kháng chiến
chống xâm lược bảo vệ CNXH | 54 |
| 4. Trí thức Việt Nam trong giai đoạn hiện nay | 59 |
| Chương thứ tư: Thực trạng tình hình đội ngũ trí thức | 63 |
| 1. Phân tích về số lượng, cơ cấu, độ tuổi, sự phân bố theo địa bàn | 63 |
| 2. Phân tích theo cơ cấu ngành nghề | 68 |

3. Phân tích theo giới tính, thành phần dân tộc, nơi cư trú	76
Chương thứ năm: Tâm trạng và nhu cầu của đội ngũ trí thức	87
1. Tâm trạng của đội ngũ trí thức	87
2. Nhu cầu và nguyện vọng của đội ngũ trí thức	93
Chương thứ sáu: Những xu thế phát triển của đội ngũ trí thức	99

Phần thứ ba

Định hướng xây dựng những chính sách đối với đội ngũ trí thức

Chương thứ bảy: Xác định những quan điểm về trí thức	111
1. Điểm qua một số tư tưởng trong những chính sách đối với trí thức của Đảng trong 65 năm qua	111
2. Đề xuất những quan điểm chỉ đạo việc hoạch định những chính sách đối với trí thức	115
Chương thứ tám: Đề xuất một số chính sách đối với trí thức	126
1. Chính sách giáo dục và đào tạo	126
2. Sử dụng và đãi ngộ trí thức	134
3. Thực hiện đoàn kết, tập hợp rộng rãi tầng lớp trí thức	139
Kết luận	143

Phần mở đầu

NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP CỦA ĐỀ TÀI KX.04.06

I. Đặt vấn đề:

Nhân loại đang đứng trước ngưỡng cửa thế kỷ thứ 21, đang từng ngày, từng giờ chứng kiến những biến đổi lớn lao trong sản xuất, kinh doanh, khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Những biến đổi kỳ diệu ấy bắt nguồn từ trí tuệ con người. Trong cuộc chạy đua trên con đường dẫn đến nền văn minh công nghệ, yếu tố trí tuệ có ý nghĩa quyết định sự thắng lợi cho mỗi quốc gia. Trí tuệ trở thành tài nguyên quý giá nhất trong mọi tài nguyên mà sự vươn tới để có được và làm chủ được tài nguyên đó phụ thuộc vào chiến lược con người, vào hệ thống chính sách phát huy nhân tố con người, trong đó có chính sách đối với trí thức với tư cách là bộ phận trí tuệ của mỗi dân tộc.

Trí thức, cách mạng và phát triển là 3 vấn đề không tách rời nhau. Để lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, Đảng cộng sản cần có những trí thức của giai cấp công nhân và tập hợp bên mình những trí thức trong toàn xã hội. Theo V.I.Lénine, không thể có một hệ tư tưởng độc lập do chính ngay quần chúng công nhân xây dựng nên trong quá trình hoạt động của họ. Sự phát triển tự phát của phong trào công nhân chỉ dẫn đến chủ nghĩa công đoàn, lấy đấu tranh kinh tế là hình thức đấu tranh duy nhất. Sự phát triển kinh tế và cuộc đấu tranh giai cấp trong chế độ tư bản không thể tự nó tạo ra những điều kiện cho nền sản xuất xã hội chủ nghĩa và trực tiếp đề ra ý thức về sự tất yếu của nền sản xuất ấy. Là một học thuyết, chủ nghĩa xã hội tất nhiên có gốc rễ trong những quan hệ kinh tế hiện tại và bắt nguồn từ cuộc đấu tranh chống sự nghèo khó và làm than của quần chúng do chủ nghĩa tư bản gây ra. Nhưng ý thức xã hội chủ nghĩa chỉ có thể nảy sinh được trên cơ sở một sự hiểu biết khoa học sâu sắc về kinh tế học hiện đại, về kỹ thuật hiện đại... còn giai cấp vô sản, dù muốn đến đâu chăng nữa cũng không thể tạo ra khoa học, kinh tế và kỹ thuật hiện đại được. Người nắm khoa học không phải là giai cấp vô sản, mà là người trí thức. Chính chủ nghĩa xã hội hiện đại đã sinh ra trong đầu óc của một vài người thuộc tầng lớp đó, mà chính nhờ họ mà chủ nghĩa xã hội đã truyền đến những người vô sản tiên tiến nhất về mặt trí thức, những người vô sản này, sau đó đem chủ nghĩa xã hội đưa vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Như vậy, ý thức

xã hội xã hội chủ nghĩa là một yếu tố từ bên ngoài đưa vào cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản¹.

Đồng thời, Lênin cũng khẳng định "Mọi phong trào công nhân có sức sống đều tạo ra những lãnh tụ công nhân, đều có những Prudon và Valian của nó, những Weitling và Bebel của nó"², nghĩa là, những con người là công nhân nỗ lực học tập để tự rèn luyện mình thành người dân chủ xã hội chủ nghĩa giác ngộ, *những người trí thức công nhân*.

Để khắc phục sự khủng hoảng của phong trào công nhân, để những người cách mạng công nhân khỏi lạc hậu đối với cao trào tự phát của quần chúng, Lênin coi nhiệm vụ đầu tiên và bức thiết là *góp phần đào tạo những người cách mạng công nhân có trình độ ngang với những người cách mạng trí thức về mặt hoạt động trong Đảng*.³

Ở Việt Nam, vấn đề trí thức trong mối quan hệ với giai cấp công nhân có những đặc điểm riêng. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc. Nó là sản phẩm trực tiếp của công cuộc khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp. Dưới chế độ thực dân, người công nhân Việt Nam vừa là nô lệ làm thuê, vừa là nô lệ mất nước. Là kẻ nô lệ làm thuê, công nhân bị bóc lột tàn tệ. Là kẻ nô lệ mất nước, họ hoàn toàn bị tước đoạt quyền tự do, dân chủ. Do đó, đối với giai cấp công nhân Việt Nam, kẻ thù giai cấp với kẻ thù dân tộc là một. Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chỉ ra cho giai cấp công nhân Việt Nam con đường giải phóng dân tộc kết hợp với giải phóng giai cấp. Với sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, phong trào công nhân đã chuyển từ giai đoạn tự phát sang giai đoạn tự giác.

Chính cương của Đảng lao động Việt Nam ghi rõ: "... Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí óc. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân..."⁴

Trong tuyên ngôn của Đảng lao động Việt Nam cũng ghi: "... Đảng lao động Việt Nam sẽ gồm những công nhân, nông dân và lao động trí óc yêu nước nhất, hăng hái nhất, cách mạng nhất. Nó sẽ gồm những người kiên quyết phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự lao động;

1- V.I. Lênin. Toàn tập, tập VI, M. 1978, tr.50-51.

2- V.I. Lênin. Toàn tập, tập VI, M. 1978, tr.167.

3- V.I. Lênin. Toàn tập, tập VI, M. 1978, tr.167.

4- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng lao động Việt Nam.

những người chí công vô tư, làm gương mẫu trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc..."

Gần nửa thế kỷ qua, Đảng cộng sản Việt nam luôn giữ đúng quan điểm coi trí thức là một lực lượng cách mạng. Một trong những điều thể hiện nổi bật quan điểm này là những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò và vị trí của tầng lớp trí thức trong cách mạng Việt Nam. Người luôn nhấn mạnh rằng, trí thức là tài sản quý báu của quốc gia, của dân tộc. Cuộc đấu tranh giành độc lập, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc không thể thiếu lực lượng trí thức. Tư tưởng đó thể hiện ở chính sách của Đảng đối với trí thức được công bố ngày 29-8-1957: "Trí thức là vốn quý của dân tộc. Không có trí thức hợp tác với công nông thì cách mạng không thể thành công và sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam mới không thể hoàn thành được". Tại Đại hội VII (1991), Đảng lại khẳng định: "... trong cách mạng dân tộc dân chủ, vai trò của giới trí thức đã quan trọng; trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò của giới trí thức càng quan trọng. Giai cấp công nhân nếu không có đội ngũ trí thức của mình và bản thân công nông không được nâng cao kiến thức, không dần dần được trí thức hóa thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội".

Vấn đề đặt ra là, quan điểm của Đảng đối với trí thức thì rất đúng đắn, vậy thì tại sao việc hoạch định những chính sách đối với trí thức lại trở lên hết sức cấp thiết. Có thể nói rằng, trong quá trình xây dựng đội ngũ trí thức, một số thiếu sót sau đây đã bộc lộ:

1. Chủ trương, đường lối của Đảng về đội ngũ trí thức và về những lĩnh vực hoạt động chủ yếu của trí thức là đúng đắn, nhưng lại chậm hoặc không được cụ thể hoá và thể chế hóa về mặt Nhà nước. Do vậy, những chủ trương, đường lối này không được thực hiện một cách nghiêm túc, không trở thành hiện thực. Mặt khác, một số chế độ, chính sách đối với trí thức đang thực hiện đã trở nên lỗi thời, cần được bổ sung hoặc đổi mới kịp thời.

2. Một số cấp ủy Đảng và chính quyền chưa quán triệt quan điểm của Đảng về trí thức, do đó, chưa đánh giá đúng giá trị lao động trí óc của trí thức còn nhìn trí thức với những thiên kiến, thiếu thông cảm với thái độ hoài nghi khoa học của trí thức v.v... Cách nhìn nhận và đánh giá trí thức như vậy không khơi dậy được tiềm năng trí tuệ, giải phóng triệt để tư duy sáng tạo của họ. Ở một số cơ sở hiện còn tình trạng giữa cấp ủy và trí thức thiếu tin tưởng lẫn nhau.

3. Cho đến nay, chúng ta chưa có chiến lược xây dựng đội ngũ trí thức trên cơ sở dự báo chính xác nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21. Sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng của đội ngũ trí thức đang là một báo động.

4. Vấn đề đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng với quan điểm coi lĩnh vực này là quốc sách hàng đầu, và sự đầu tư thấp sẽ không thể tạo ra những điều kiện để phát huy lao động sáng tạo của giới trí thức. Những yêu cầu của công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước đang đặt ra vấn đề này một cách nghiêm túc.

5. Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác nghiên cứu khoa học, cơ chế tuyển chọn cán bộ trí thức, đào tạo nhân lực, tuyển chọn nhân tài v.v.. đều có nhiều vấn đề phải nghiên cứu lại.

II- Nhiệm vụ của đề tài :

Mục tiêu chung nhất mà đề tài phải đạt tới là đề xuất những định hướng đúng đắn đối với việc bổ sung, sửa đổi, đổi mới hệ thống chính sách đối với trí thức trong thập kỷ cuối của thế kỷ này nhằm :

- Tập hợp được lực lượng trí thức, đoàn kết rộng rãi trí thức, " không phân biệt thành phần xuất thân, không phân biệt trí thức dân tộc đa số hay thiểu số, không phân biệt xu hướng chính trị và tín ngưỡng, tôn giáo, không phân biệt trí thức miền Bắc hay miền Nam, không phân biệt trí thức trong nước hay trí thức Việt nam ở nước ngoài...⁽⁵⁾ và "phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân và nông dân."⁽⁶⁾

- Góp phần giải phóng tiềm năng trí tuệ và năng lực sáng tạo của trí thức, "khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần sự có mặt của họ" ⁽⁷⁾ và "... Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao."⁽⁸⁾

⁵ - Xem văn kiện Đại hội Đảng lần thứ II: Chính sách của Đảng lao động Việt Nam đối với trí thức.

⁶ - Trích Báo cáo chính trị. Đại hội Đảng lần thứ VI (1986).

⁷ - Như trên.

⁸ - Trích "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII).

Từ mục tiêu trên, đề tài phải thực hiện 2 nhiệm vụ cơ bản sau đây:

1. Làm rõ thực trạng của đội ngũ trí thức Việt Nam đầu thập kỷ 90, phân tích nhu cầu, nguyện vọng của đội ngũ trí thức, tình hình và cơ cấu của lực lượng này, phân tích những mặt mạnh, mặt yếu của trí thức Việt Nam (bao gồm là lực lượng sinh viên với tư cách là nguồn đào tạo trí thức).

2. Trên cơ sở những số liệu điều tra, những tư liệu về đội ngũ trí thức, đề xuất với Đảng và Nhà nước những luận cứ lý luận và thực tiễn để hoạch định hệ thống chính sách đối với việc xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh với tư cách là một thành phần trong liên minh chiến lược "công nhân - nông dân - trí thức".

III. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu cụ thể.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và những điều kiện xã hội - lịch sử gắn với sự hình thành và phát triển của đội ngũ trí thức nói chung và trí thức Việt Nam nói riêng, những yêu cầu của xã hội, của đất nước, của dân tộc đặt ra trước việc xây dựng đội ngũ trí thức mới, những điều kiện kinh tế - xã hội có liên quan đến việc sử dụng, giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại... lực lượng trí thức trong những giai đoạn cách mạng cụ thể.

Khách thể nghiên cứu là tầng lớp trí thức đã hình thành trong quá trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, bao gồm những thế hệ trí thức tham gia cách mạng tháng Tám được đào tạo từ chế độ cũ tới những lớp trí thức trẻ ngày nay đang làm việc vì sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó có sự phân nhóm để đi sâu. Đề tài đã chia nhánh nhỏ để có điều kiện tiếp xúc với trí thức hoạt động trên các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, văn nghệ sĩ, an ninh và quốc phòng, sản xuất và kinh doanh và đội ngũ sinh viên - nguồn đào tạo những trí thức mới của đất nước. Tuy nhiên, để giải quyết vấn đề triệt để hơn, đề tài còn phân nhánh đi vào những vấn đề đòi hỏi những chính sách riêng biệt như đối với trí thức người dân tộc thiểu số, trí thức đã về hưu, nữ trí thức.

Để đạt mục tiêu nghiên cứu và hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra, trước hết, đề tài đã xác định những phương pháp tiếp cận vấn đề, chủ yếu là:

- Phương pháp tiếp cận lịch sử: Vấn đề trí thức được nhìn nhận dọc theo các giai đoạn lịch sử, so sánh với sự hình thành và phát triển đội ngũ này của thế giới để có sự nhận thức đầy đủ và đúng đắn về điều kiện ra đời

điều kiện hoạt động của trí thức Việt Nam với những truyền thống riêng của nó. Đặc biệt là, cần phải xác định được quan điểm đánh giá khách quan hoàn cảnh hoạt động của trí thức Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay và những yêu cầu mới của đất nước đề ra cho đội ngũ này như là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới đất nước theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

- **Phương pháp tiếp cận hệ thống:** Về phương diện này, phải xem xét lực lượng trí thức như một chỉnh thể trong mối quan hệ qua lại giữa tầng lớp xã hội này với các giai tầng xã hội khác, đặc biệt là trong mối quan hệ với Công, Nông, Thương, Binh. Mặt khác, các chính sách đối với trí thức cũng phải được phân tích như một hệ thống hoàn chỉnh để từ đó, mỗi kiến giải về bổ sung, hoàn chỉnh, đổi mới cũng bảo đảm được tính thống nhất, tính chỉnh thể của nó.

- **Phương pháp tiếp cận phát triển:** Từ khái niệm trí thức cho đến sự hoạt động của họ trong xã hội, những chính sách đối với trí thức phải được xem xét trong sự vận động của xã hội, tránh cách nhìn tĩnh tại, từ đó thấy được viễn cảnh và triển vọng phát triển của đội ngũ trí thức.

Từ những quan điểm có tính chất phương pháp luận, đề tài phải xác định phương pháp hệ một cách cụ thể. Trong quá trình tiến hành đề tài, chúng tôi dựa vào những phương pháp chính sau đây:

1/ Tổng kết thực tiễn: Đề tài đã hướng dẫn cho một số ngành, một số trường đại học và cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và một số tỉnh thành đánh giá lại đội ngũ trí thức tổng kết việc thực hiện các chế độ chính sách đối với trí thức.

Đề tài đã nhận được văn bản báo cáo của các nơi như sau:

- Báo cáo của 41 tỉnh, thành;
- Báo cáo của 35 Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Báo cáo của 53 trường đại học;
- Báo cáo của 30 trường cao đẳng;
- Báo cáo của 65 trường trung học chuyên nghiệp.

2/ Điều tra xã hội học: đề tài đã tiến hành các đợt điều tra xung quanh những vấn đề sau:

- Nhu cầu của đội ngũ trí thức;

- Tình hình học tập, chất lượng học tập, tình hình sinh hoạt của sinh viên (kể cả sinh viên dân tộc thiểu số);

- Dự luận của một số văn nghệ sĩ về việc thực hiện một số chính sách đối với trí thức;

- Thực trạng hoạt động của trí thức miền núi và trí thức người dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, đề tài còn tham khảo nhiều số liệu điều tra xã hội học của các nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học tổng hợp Hà Nội, của Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động.

3. Hội thảo khoa học (phương pháp chuyên gia): Đề tài đã tiến hành 16 cuộc hội thảo ở nhiều tỉnh, thành trong toàn quốc (Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hồ Chí Minh).